

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 4 - 2025

Về việc: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị H

2. Ông Nguyễn Nam Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Quách Thị Phương - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: tổ 5, phường H1, thành phố T, tỉnh T. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: tổ 5, phường H1, thành phố T, tỉnh T. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Phạm Thị H** trình bày:

Chị và anh **Nguyễn Văn T1** tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã C, huyện C1, tỉnh T2 ngày 08 tháng 5 năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 5/2023 thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, bất đồng về kinh tế, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm, hỏi han đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Văn T3, sinh ngày 20/3/2010 và Nguyễn Tấn M, sinh ngày 02/11/2013. Ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho mỗi con là 2.000.000 đồng/tháng (Tổng hai con là 4.000.000 đồng/tháng) cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi. Hiện chị H đang làm công nhân tại Công ty TNHH T4, mức thu nhập là 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày:*

Anh và chị Phạm Thị H tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C1, tỉnh T2 ngày 08 tháng 5 năm 2009. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 5/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, bất đồng trong làm ăn kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh chị hiện đã sống ly thân từ tháng 5/2023 cho đến nay. Nay chị H làm đơn xin ly với anh, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng vì các con đang trong độ tuổi phát triển sẽ ảnh hưởng đến tâm lý nên anh không đồng ý ly hôn. Trường hợp chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Văn T3, sinh ngày 20/3/2010 và Nguyễn Tấn M, sinh ngày 02/11/2013. Trường hợp ly hôn, anh T1 đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh T1 có trách nhiệm cấp dưỡng cho mỗi con là 2.000.000 đồng/tháng (Tổng hai con là 4.000.000 đồng/tháng) cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi. Hiện anh T1 làm công nhân tại xã V, thành phố T thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Biên bản xác minh ngày 04/02/2025, ông Phạm Trọng Tuấn - Tổ trưởng tổ 5, phường H1, thành phố T, tỉnh T cung cấp:*

Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T1 có đăng ký kết hôn tại tỉnh T2. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại tổ 5, phường H1, thành phố T, tỉnh T. Do anh chị ít sinh hoạt tại địa phương nên địa phương không nắm rõ được tình trạng hôn nhân của anh chị. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh T1, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và theo tình trạng hôn nhân thực tế. Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Văn T3, sinh ngày 20/3/2010 và Nguyễn Tấn M,

sinh ngày 02/11/2013. Nếu ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung của anh chị thì địa phương không nắm rõ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án cùng đại diện cơ sở địa phương xuống nhà bố mẹ chị H và anh T1 để xác minh, tuy nhiên chị H và anh T1 không có nhà, bố mẹ chị H từ chối làm việc, cung cấp lời khai.

** Biên bản lấy lời khai của bà Phạm Thị Hào, sinh năm 1965; Trú tại: tổ 5, phường H1, thành phố T, tỉnh T là mẹ đẻ chị Phạm Thị H trình bày:*

Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T1 có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình chung sống giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn từ khi nào và nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì bà không nắm được, anh chị không nói gì với bà. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh T1, bà xác định giữa anh T1 và chị H có mâu thuẫn, đại diện gia đình bà đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết. Về con chung: Anh chị có hai con chung là Nguyễn Văn T3, sinh ngày 20/3/2010 và Nguyễn Tấn M, sinh ngày 02/11/2013. Trường hợp anh chị ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng nuôi con của anh chị và theo quy định pháp luật để giải quyết. Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên bà không có ý kiến gì.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:***

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị H ly hôn với anh Nguyễn Văn T1. Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị xử giao hai con chung là Nguyễn Văn T3, sinh ngày 20/3/2010 và Nguyễn Tấn M, sinh ngày 02/11/2013 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T1 có trách nhiệm cấp dưỡng cho mỗi con là 2.000.000 đồng/tháng (Tổng hai con là 4.000.000 đồng/tháng), kể từ tháng 4/2025 cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi. Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 phải nộp án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến phiên tòa để tham gia tố tụng, nhưng nguyên đơn chị Phạm Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, khi kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 5/2023 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó đến nay. Chị H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, về làm ăn kinh tế, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Bản thân anh T1 cũng thừa nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Tuy nhiên chị H xin ly hôn anh không đồng ý vì hiện tại các con còn nhỏ nên không muốn ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý của các con nhưng bản thân anh không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo phiên hòa giải mục đích để vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng anh T1 không có mặt thể hiện không có thiện chí đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng là có thật, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn T1 là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn T3, sinh ngày 20/3/2010 và Nguyễn Tấn M, sinh ngày 02/11/2013. Ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, hiện tại chị H có việc làm ổn định, chị làm công nhân ở Công ty TNHH T4 thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/tháng, chị H yêu cầu anh T1 cấp dưỡng mỗi con 2.000.000 đồng/tháng. Về phía anh T1 đồng ý để chị H nuôi dưỡng hai con chung, chấp nhận mức cấp dưỡng cho con mà chị H yêu cầu. Xét điều kiện thực tế hiện nay, xét nguyện vọng của con chung, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, nên giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng cho hai con chung của anh T1, mỗi con là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi. Anh T1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

[2.3] Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh T1 phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 235; 238; 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Xử giao hai con chung là Nguyễn Văn T3, sinh ngày 20/3/2010 và Nguyễn Tấn M, sinh ngày 02/11/2013 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T1 cấp dưỡng cho mỗi con là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*)/tháng, hai con là 4.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 4/2025 cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Anh T1 có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng cho con được đặt ra giải quyết khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn T1 phải nộp 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

(Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình theo biên lai thu số 0000882 ngày 08/01/2025 thành án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Phạm Thị H và bị đơn anh Nguyễn Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã C, huyện C1, tỉnh T2; GCNKH số 36 ngày 08/5/2009).
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Khánh Linh